

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-4-2021

V/v: Ly hôn giữa bà Tạ Thị Thu và ông
Phạm Duy Chanh (Thuần)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiền.
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị T, sinh năm 1963;

Địa chỉ cư trú: Khu Đ, thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Duy C (tên gọi khác: T), sinh năm 1963;

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Bà T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 12 năm 2020, trong quá trình tố tụng và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 17 tháng 3 năm 2021 nguyên đơn là bà Tạ Thị T trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Duy C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 08 tháng 7 năm 1985. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống và làm ăn tại thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình, vợ chồng hòa thuận đến tháng 01 năm 1998 thì ông C có nói với bà là đi làm ăn xa ở miền Nam và biệt tích từ đó đến nay, không có tin tức gì và cũng không liên lạc, hỏi âm gì với gia đình. Lúc đó hai con bà còn rất nhỏ, bà đã một mình nuôi hai con và chờ đợi ông C hơn 20 năm nay nhưng ông C vẫn bất vô âm tín. Vì vậy bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Phạm Duy C mất tích để bà tiến hành thủ tục ly hôn với ông C. Ngày 19 tháng 6 năm 2020, Tòa án đã ra Quyết định tuyên bố ông C mất tích, từ đó đến nay ông C vẫn chưa trở về cũng không có tin tức gì. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

1.2. Về quan hệ con chung: Bà và ông Phạm Duy C có 02 con chung là Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1986 và Phạm Tuấn A, sinh năm 1991. Hiện các con đã thành niên và tự lập về kinh tế nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

1.3. Về quan hệ tài sản: Bà và ông Phạm Duy C không có tài sản gì chung; không vay nợ chung của cá nhân hay cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ chung tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Phạm Duy C đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông C tại thôn V, trụ sở UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình và trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình nhưng đến nay ông C vẫn vắng mặt, không trở về địa phương, không có tin tức gì.

3. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng đề ngày 19 tháng 01 năm 2021, bà Trần Thị L, là mẹ đẻ của bà Tạ Thị T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông C và việc ông C bị Tòa án tuyên bố mất tích đúng như bà T đã trình bày. Nay bà Thu có đơn xin ly hôn ông C, bà nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà T và ông C không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn ông C theo nguyện vọng của bà T. Về con chung và về tài sản giữa bà T và ông C bà nhất trí như lời trình bày của bà T.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 20 tháng 01 năm 2021, ông Phạm Duy N, là anh trai của ông Phạm Duy C trình bày:

Về thời gian, quá trình kết hôn giữa bà T và ông C đúng như bà T trình bày. Quá trình chung sống ông C và bà T không có mâu thuẫn gì. Khoảng năm 1998, ông C đi làm ăn và không về gia đình nữa, ông C đi đâu, làm gì ông không biết. Gia đình và người thân không ai liên lạc được với ông C. Hiện ông C còn sống hay đã chết ông cũng không biết. Nay bà T xin ly hôn ông C đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vì ông C đã bỏ nhà đi quá lâu, không liên lạc với gia đình, vợ con. Bà T và ông C có 02 con chung như bà T đã trình bày, các con chung của ông bà đã trưởng thành, tự lập về kinh tế. Về tài sản giữa bà T và ông C, ông không biết cụ thể.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình, đại diện UBND xã và cơ sở thôn cung cấp như sau: Về quá trình kết hôn giữa bà T và ông C đúng như bà T trình bày. Sau khi kết hôn, ông C và bà T chung sống tại thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình. Đến tháng 01 năm 1998, ông C đi khỏi địa phương và biệt tích từ đó đến nay. Địa phương được biết bà T và gia đình đã nhờ bạn bè, người thân hai bên gia đình tìm kiếm nhưng cũng không biết ông C ở đâu, còn sống hay đã chết. Tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện V đã tuyên bố ông C mất tích. Nay bà T xin ly hôn ông C đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông C. Bà T và ông C có 02 con chung như bà T trình bày, các con chung của ông bà đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần. Về tài sản: Địa phương không nắm được cụ thể. Về nợ: Bà T và ông C không vay nợ chung tổ chức xã hội nào tại địa phương.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Tạ Thị T được ly hôn ông Phạm Duy C.

Quan hệ con chung: Bà Tạ Thị T và ông Phạm Duy C có 02 con chung là Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1986 và Phạm Tuấn A, sinh năm 1991. Các con đã

trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần, do đó không đặt ra giải quyết.

Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Án phí: Bà Tạ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là ông Phạm Duy C có nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích tại thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình, theo đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[1.2] Nguyên đơn, bà Tạ Thị T có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị T và ông Phạm Duy C đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 08 tháng 7 năm 1985 là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, ông bà sinh sống tại thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng hòa thuận đến tháng 01 năm 1998 thì ông C bỏ đi khỏi địa phương và biệt tích từ đó đến nay, không chung sống cùng bà T. Ngày 19 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-DS tuyên bố ông C mất tích. Từ khi Tòa án tuyên bố ông C mất tích đến nay, ông C vẫn không có tin tức gì và không trở về địa phương. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông C đã bị tuyên bố mất tích. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự xử cho bà T được ly hôn ông C.

[2.2] Quan hệ con chung: Bà Tạ Thị T và ông Phạm Duy C có 02 con chung là Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1986 và Phạm Tuấn A, sinh năm 1991. Các con của

ông bà đã thành niên, con Thúy N đã có gia đình riêng, hai con đều tự lập được về kinh tế, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Quan hệ tài sản: Bà Tạ Thị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Tạ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39, khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Tạ Thị T được ly hôn ông Phạm Duy C (tên gọi khác: T).

2. Quan hệ con chung: Bà Tạ Thị T và ông Phạm Duy C có 02 con chung là Phạm Thị Thúy N, sinh năm 1986 và Phạm Tuấn A, sinh năm 1991. Các con của ông bà đã thành niên, tự lập được về kinh tế, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần nên không đặt ra giải quyết.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Bà Tạ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tại biên lai số 0009938 ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Tạ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Duy C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình (GCNKH ngày 08/7/1985);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)